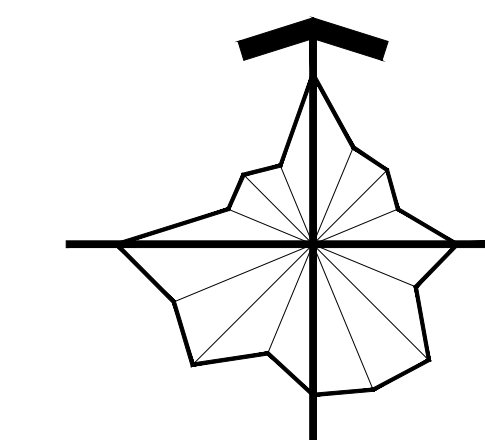


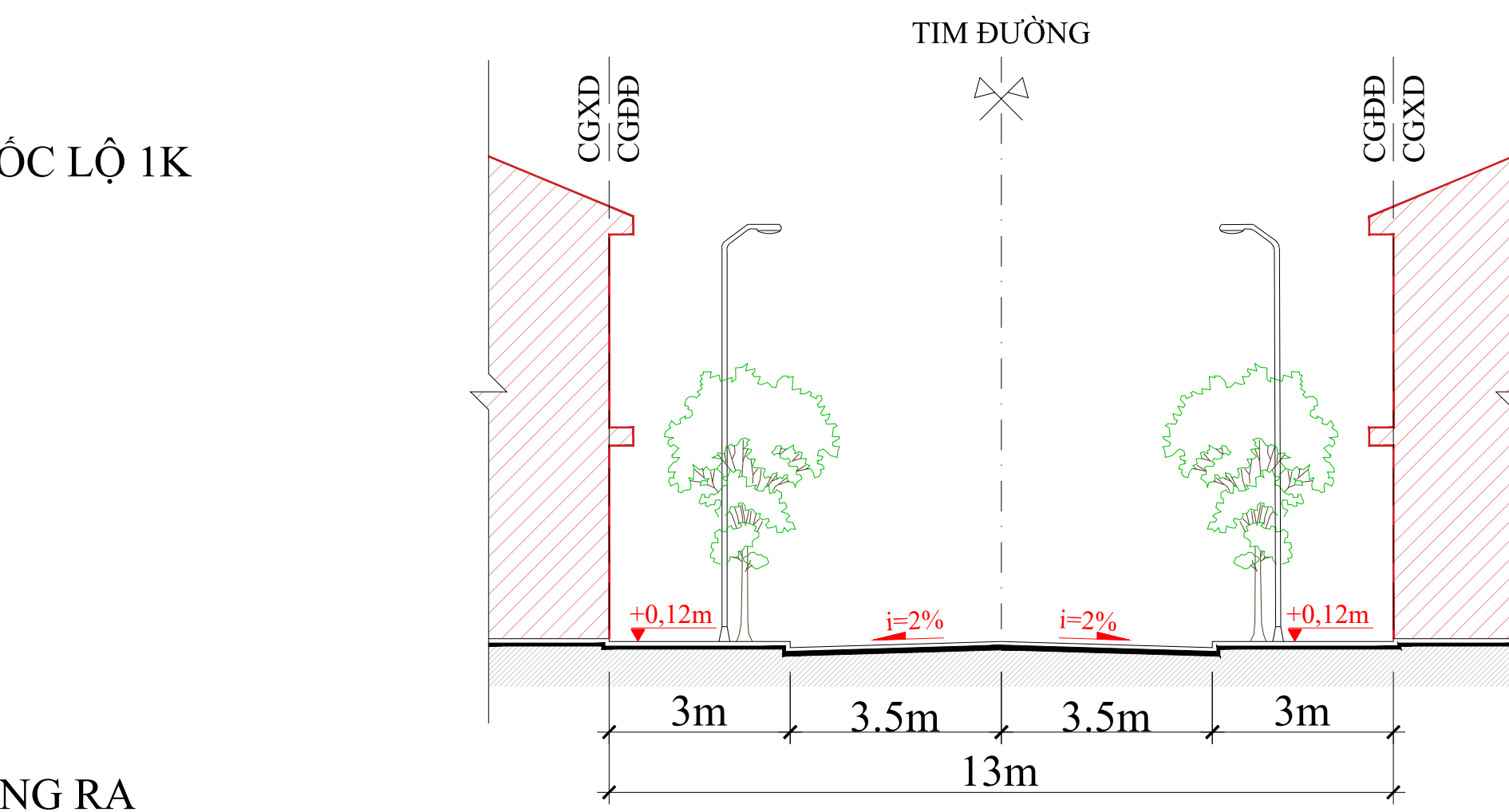
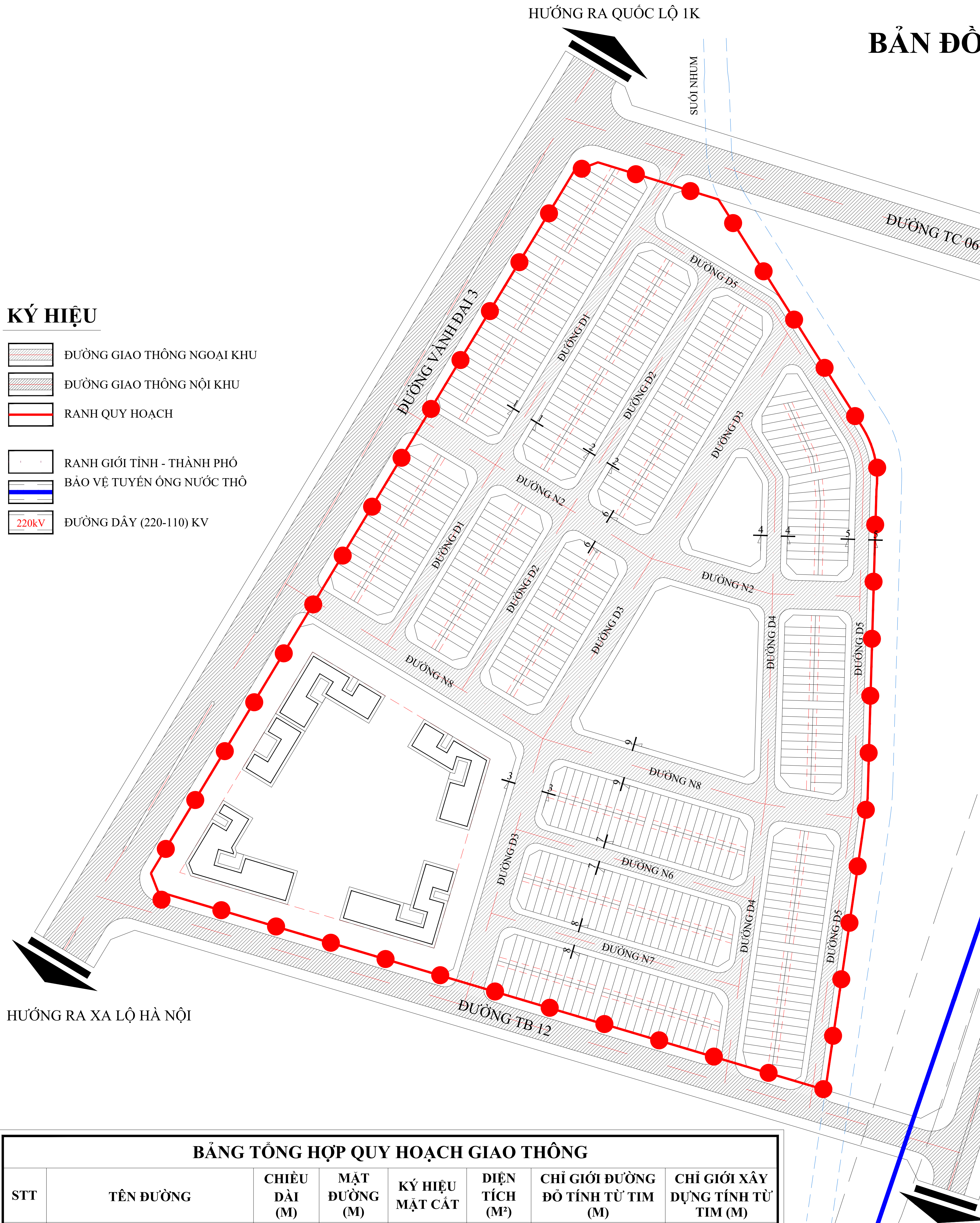
ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU TÁI ĐỊNH CƯ 10,03HA
PHƯỜNG LINH XUÂN - ĐÔNG HÒA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG, CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG



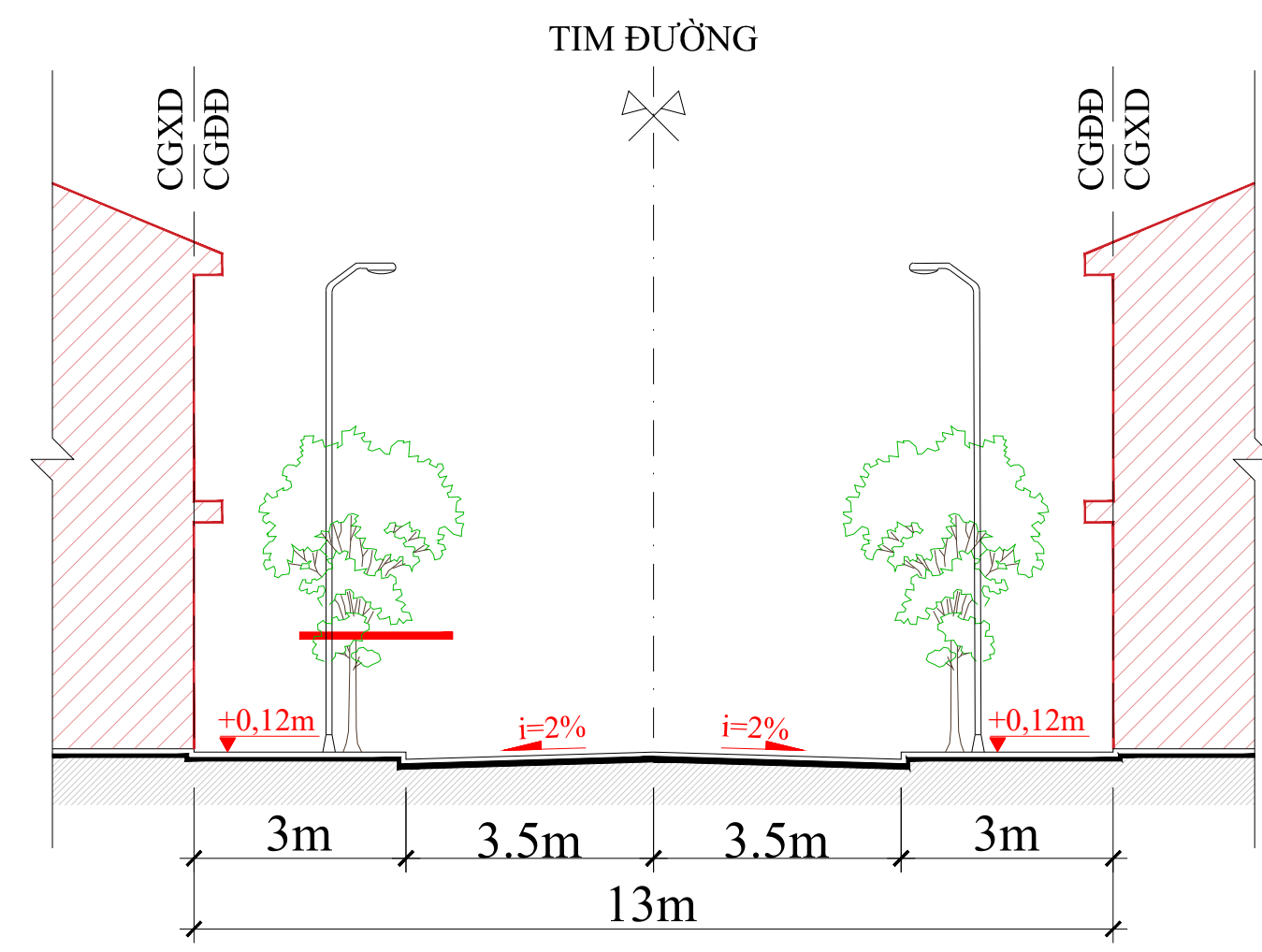
TỶ LỆ XÍCH: TL 1/500
0 20 100 (m)
10 50

KÝ HIỆU

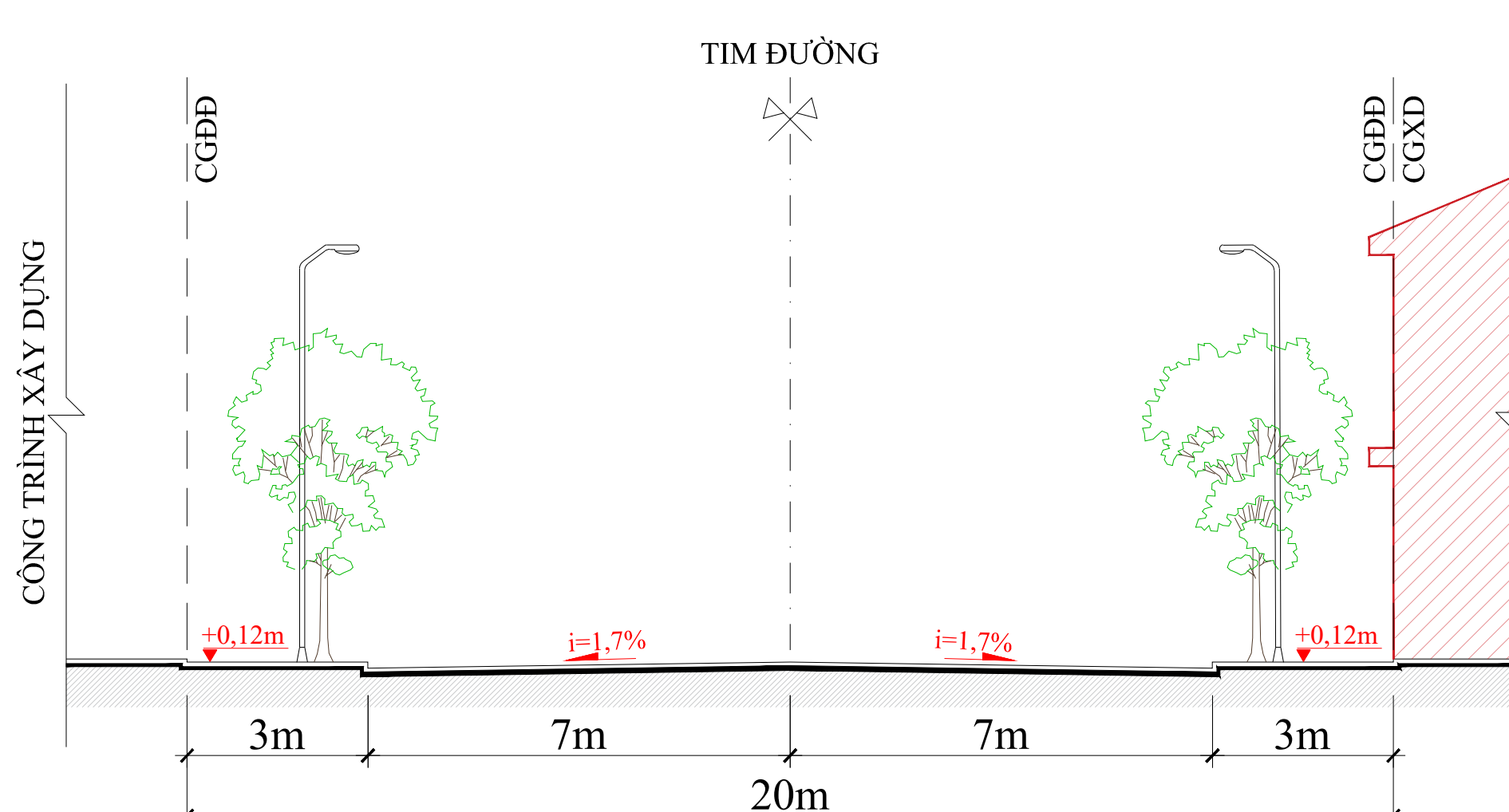
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG NGOẠI KHU
ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI KHU
RANH QUY HOẠCH
RANH GIỚI TỈNH - THÀNH PHỐ
BẢO VỆ TUYẾN ỒNG NƯỚC THỎ
ĐƯỜNG DÂY (220-110) KV



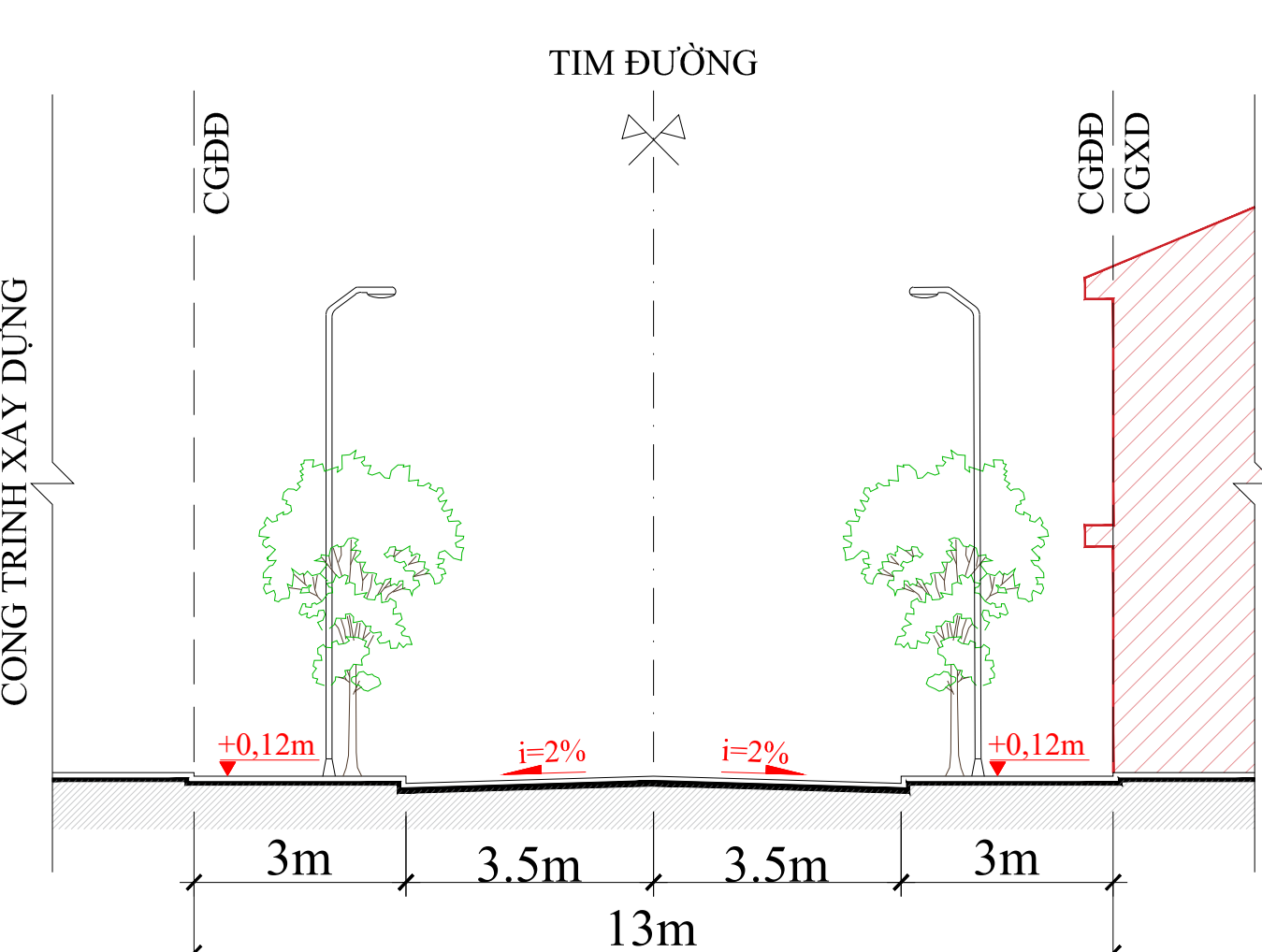
MẶT CẮT 1-1 TỶ LỆ 1/50
(TRỤC ĐƯỜNG D1)



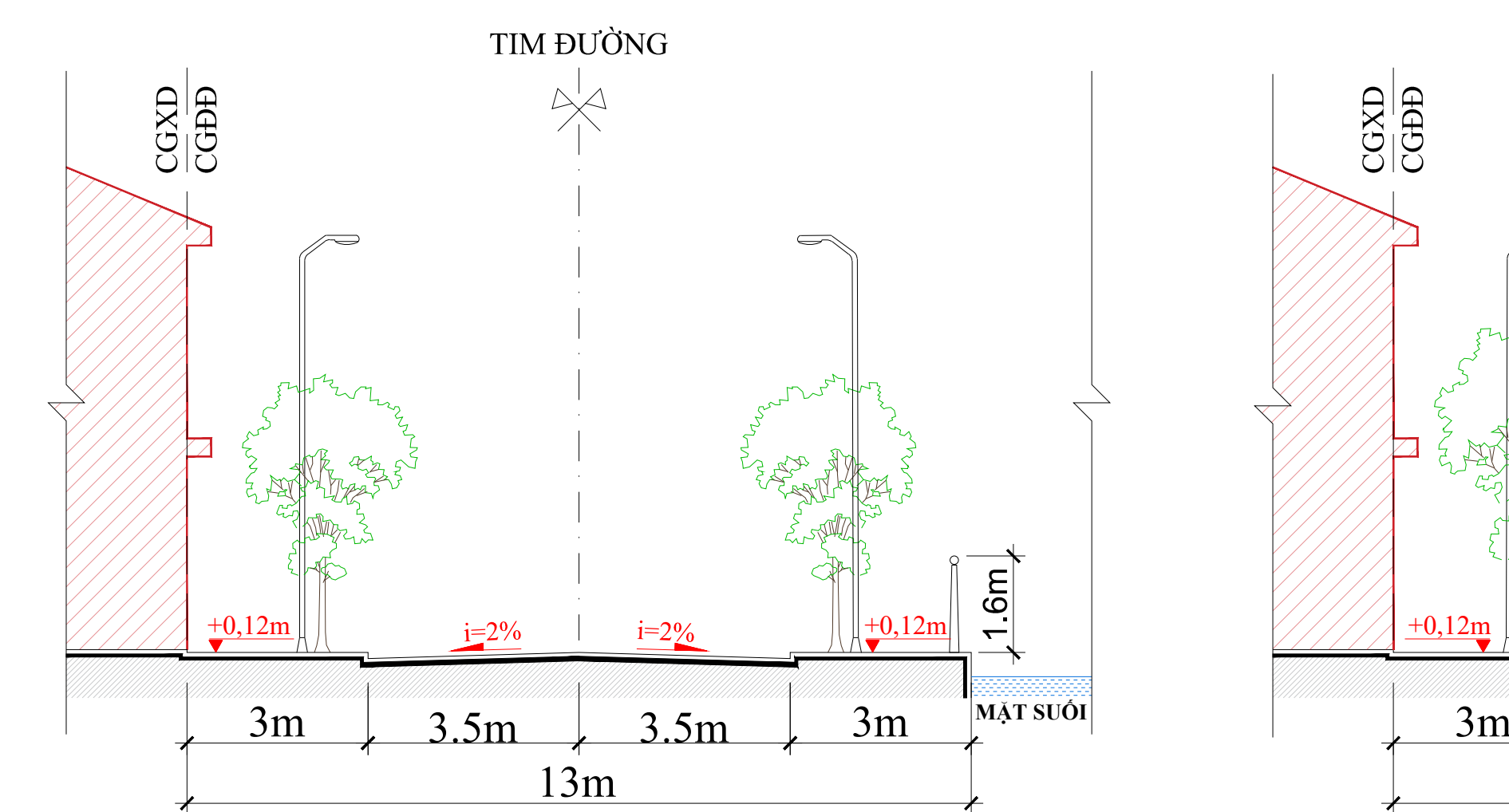
MẶT CẮT 2-2 TỶ LỆ 1/50
(TRỤC ĐƯỜNG D2)



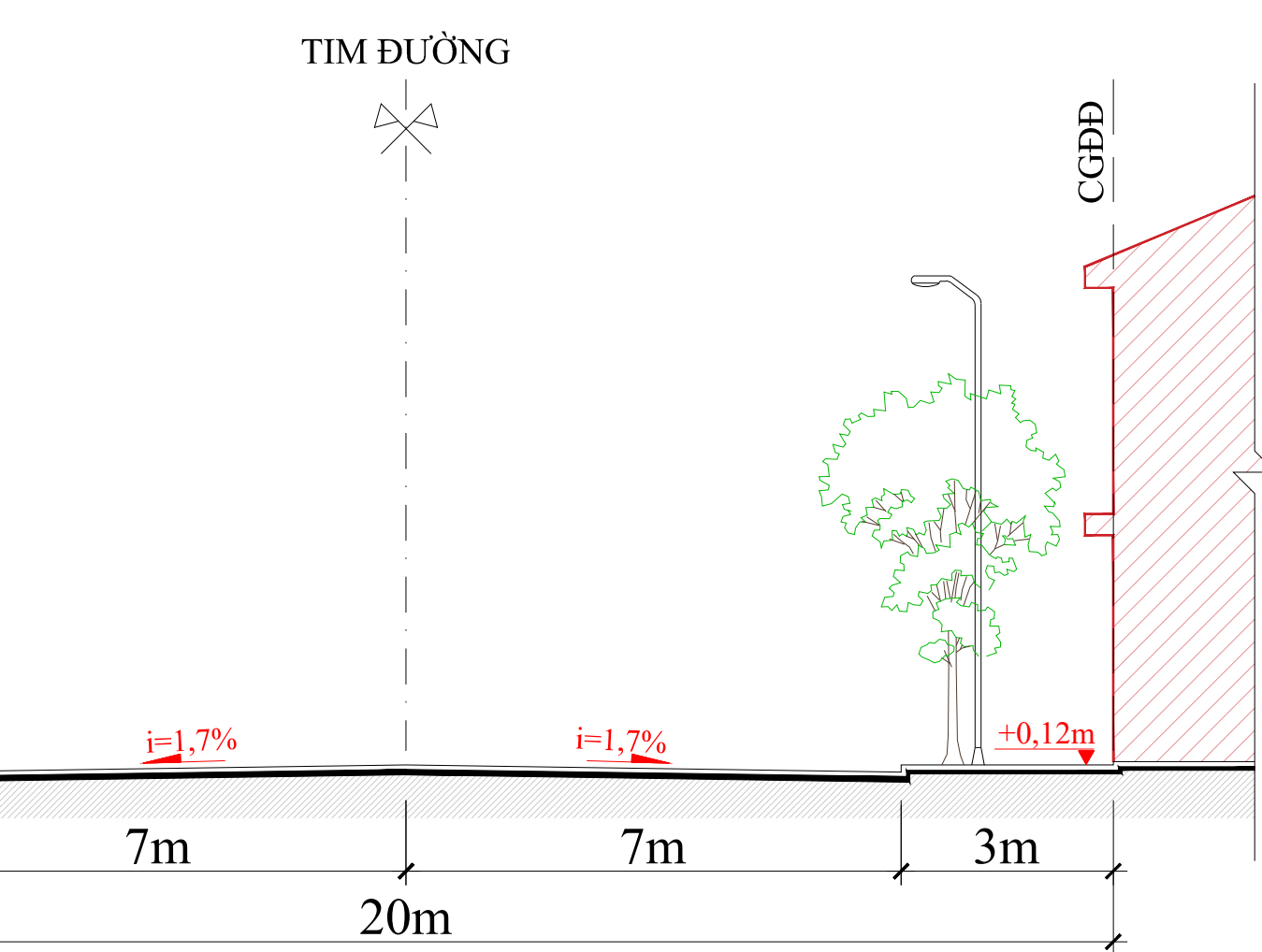
MẶT CẮT 3-3 TỶ LỆ 1/50
(TRỤC ĐƯỜNG D3)



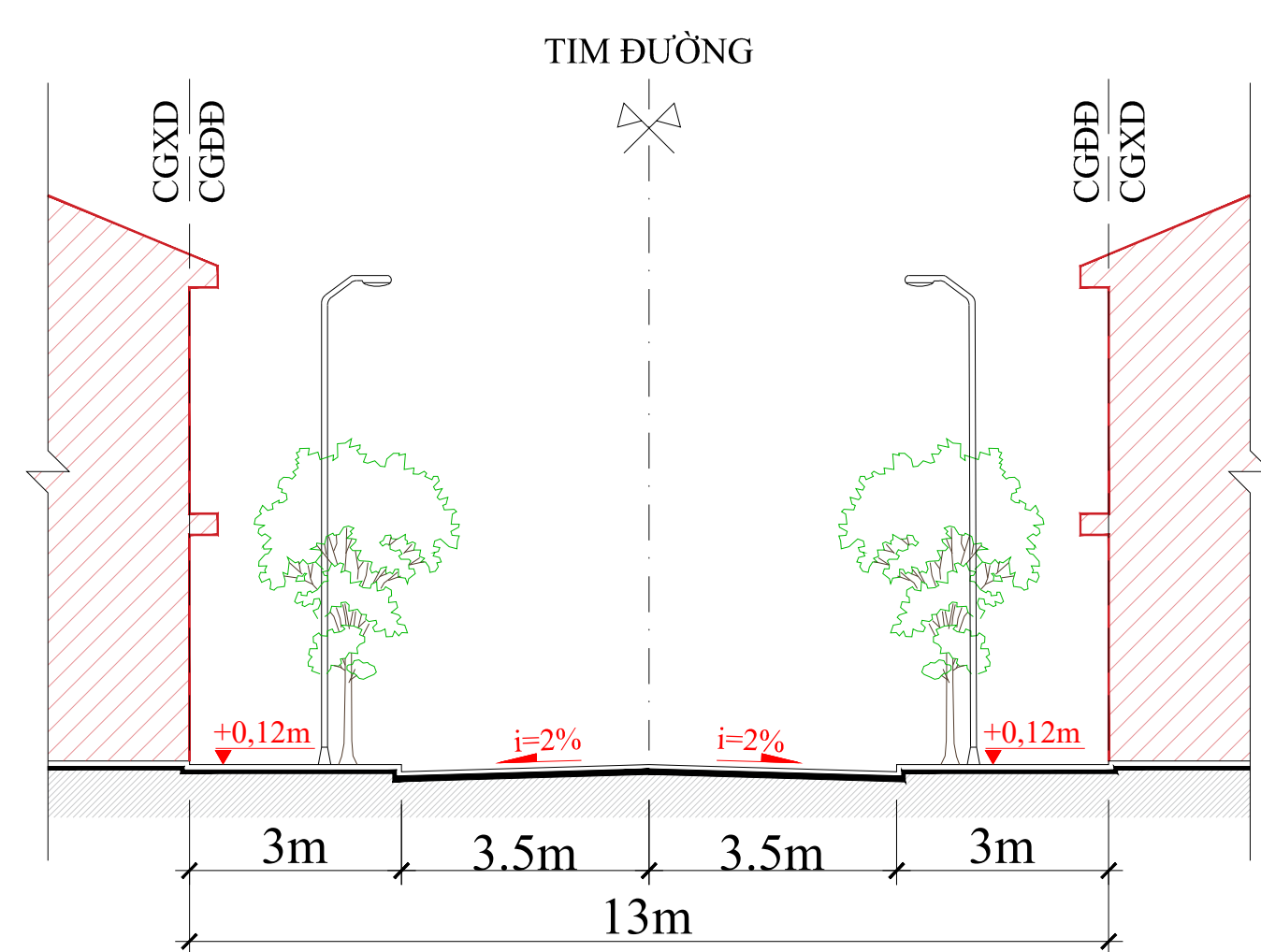
MẶT CẮT 4-4 TỶ LỆ 1/50
(TRỤC ĐƯỜNG D4)



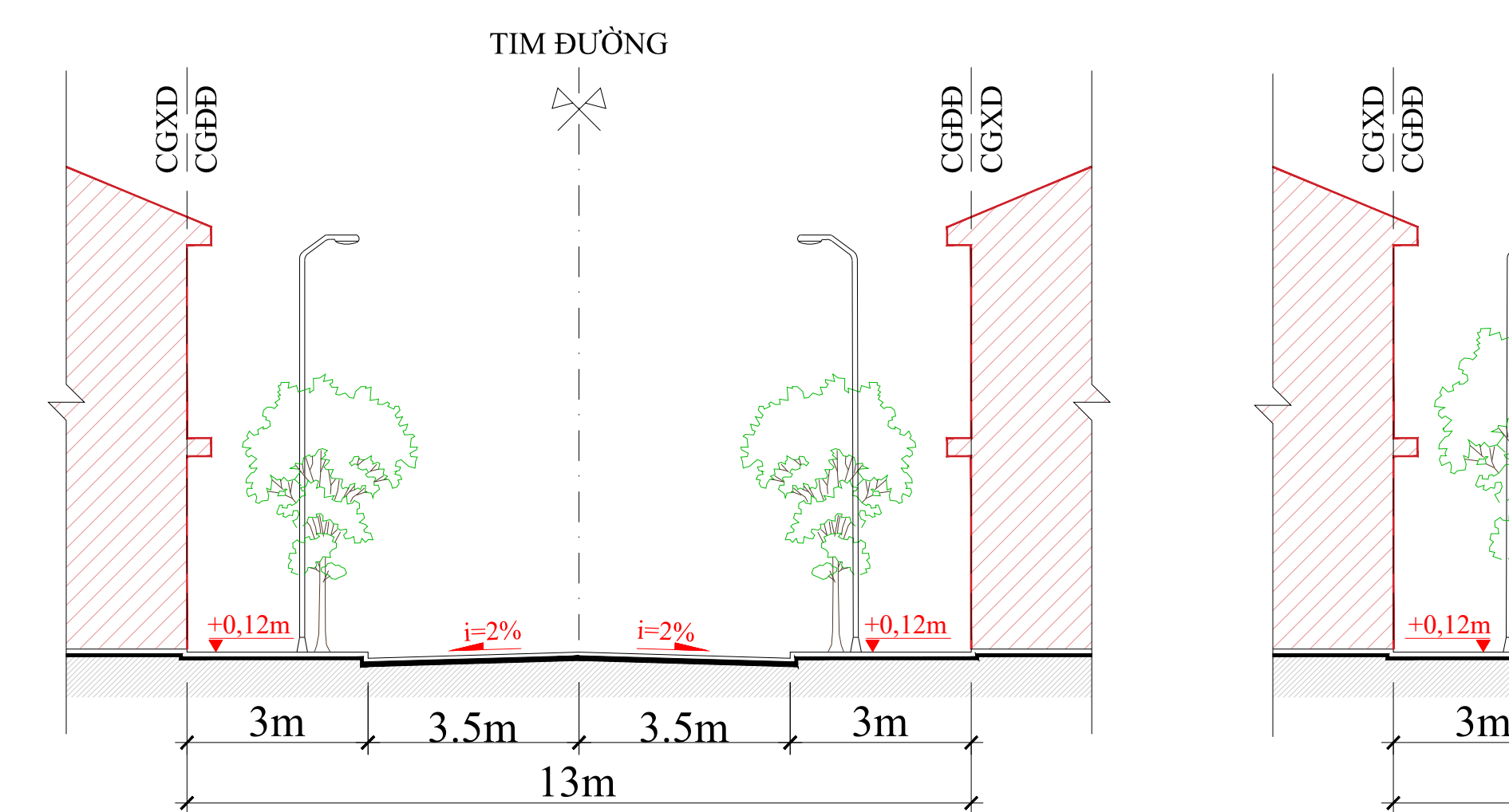
MẶT CẮT 5-5 TỶ LỆ 1/50
(TRỤC ĐƯỜNG D5)



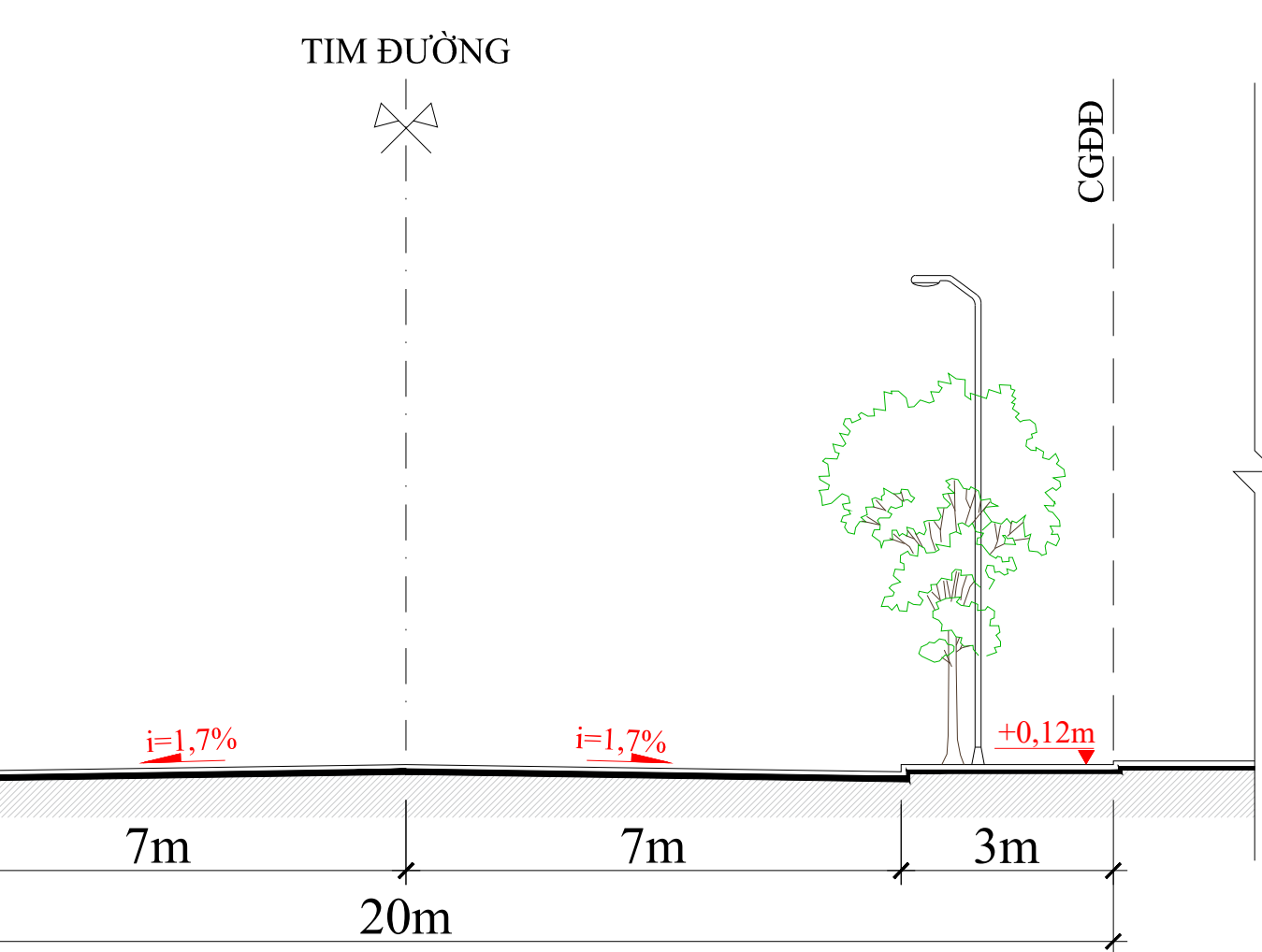
MẶT CẮT 6-6 TỶ LỆ 1/50
(TRỤC ĐƯỜNG N2)



MẶT CẮT 7-7 TỶ LỆ 1/50
(TRỤC ĐƯỜNG N6)



MẶT CẮT 8-8 TỶ LỆ 1/50
(TRỤC ĐƯỜNG N7)



MẶT CẮT 9-9 TỶ LỆ 1/50
(TRỤC ĐƯỜNG N8)

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH GIAO THÔNG

STT	TÊN ĐƯỜNG	CHIỀU ĐÀI (M)	MẶT ĐƯỜNG (M)	KÝ HIỆU MẶT CẮT	DIỆN TÍCH (M²)	CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ TÍNH TỪ TIM (M)	CHỈ GIỚI XÂY DỰNG TÍNH TỪ TIM (M)
A	GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI						
1	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 3						
2	ĐƯỜNG TC 06						
3	ĐƯỜNG TC 08						
4	ĐƯỜNG TB 12						
B	GIAO THÔNG ĐỐI NỘI						
4	ĐƯỜNG D1	257,93	13	1-1	3135,50	6,50	6,50
5	ĐƯỜNG D2	229,47	13	2-2	2745,17	6,50	6,50
6	ĐƯỜNG D3	355,41	20	3-3	6350,80	10	10
7	ĐƯỜNG D4	315,65	13	4-4	3650,80	6,50	6,50
8	ĐƯỜNG D5	469,54	13	5-5	6092,23	6,50	6,50
9	ĐƯỜNG N2	229,41	20	6-6	4628,54	10	10
10	ĐƯỜNG N6	110,09	13	7-7	1384,58	6,50	6,50
11	ĐƯỜNG N7	116,39	13	8-8	1475,33	6,50	6,50
12	ĐƯỜNG N8	281,21	20	9-9	5667,32	10	10
TỔNG CỘNG					35130,27		